**Bài 5:  Ôn tập phép cộng, phép trừ (không nhớ)**

**Trong phạm vi 100 (Tiết1)**

**I.Yêu cầu cần đạt:**

- Ôn tập về phép cộng, phép trừ (không nhớ) trong phạm vi 100 gồm các dạng cơ bản về: tính nhẩm, tính viết, thực hiện tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính.

+ Qua hoạt động khám phá hình thành kiến thức về Ôn tập về phép cộng, phép trừ (không nhớ) trong phạm vi 100, HS vận dụng vào giải một số bài toán thực tế liên quan đến Ôn tập về phép cộng, phép trừ (không nhớ) trong phạm vi 100, HS phát triển năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp toán học

- Yêu thích học môn Toán, có hứng thú với các con số

- Phát triển tư duy toán cho học sinh

**II. Đồ dùng dạy học:**

**- Học sinh:** Bộ đồ dùng toán lớp 2, SGK Toán 2

**- Giáo viên**: Một số bộ thẻ, mỗi bộ gồm ba số có thể lập được phép tính đúng từ ba số đó, chẳng hạn:[25] ; [10] ; [35]

**III. Các hoạt động dạy học:**

**A. Khởi động**

**Đề bài:** Câu nào đúng, câu nào sai?

a. 23 < 54           c. 86 < 34

b. 56 > 45           d. 18 = 18

- GV gọi 1 HS lên bảng làm bài, cả lớp làm vào vở, nhạn xét bài của bạn

- GV đánh giá, nhận xét kết quả và cho điểm HS

- GV dẫn dắt vào bài mới

**Luyện tập**

**Bài 1:**Đặt tính rồi tính:

A, 24 + 35 98 – 43 31 + 18

B, 80 – 6 8 + 31 95 - 43

- Bài yêu cầu làm gì?

- GV gọi 2 – 3 HS nhắc lại những lưu ý khi đặt tính rồi tính.

- GV yêu cầu HS đặt tính rồi tính, đổi chéo vở kiểm tra bài.

+ HS nêu kq bài làm. + HS nhận xét

- Nhận xét, tuyên dương HS.

- GV đặt câu hỏi để HS tự rút ra bài này giúp HS ôn luyện kĩ năng tính cộng, trừ (tính viết – đặt tính rồi tính) trong phạm vi 100.

**Bài 2:** Tính

A, 64 – 13 + 20             B, 80 + 7 – 43                   C, 39 – 24 + 50

 HS nhận biết dạng bài thực hiện tính trong trường hợp có đến hai phép tính cộng, trừ thì tính lần lượt từ trái qua phải. Ví dụ: 9 + 1–5 trước hết phải tìm kết quả của 9 + 1 = 10 sau đó tim kết quả 10 – 5 = 5.

- GV không yêu cầu HS phải viết kết quả của phép tính trung gian.

+ HS nêu kq bài làm.  + HS nhận xét

- Nhận xét, tuyên dương HS.

**Bài 3:** Trong vườn có 23 cây cam và 31 cây táo. Hỏi số cây cam kém số cây táo bao nhiêu cây?

- HS đọc YC bài. - Bài cho biết gì? Bài toán hỏi gì?

- HS làm bài vào vở; - Đổi vở kiểm tra, chia sẻ trước lớp.

- Nhận xét, đánh giá bài HS.

**\* Củng cố dặn dò**

- Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?

- Để có thể làm tốt các bài tập trên em nhắn bạn điều gì?

- GV nhắc nhở HS xem trước bài tập.

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**

  ……………………………………………………………………………

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Bài 5:  Ôn tập phép cộng, phép trừ (không nhớ)**

**Trong phạm vi 100 (Tiết2)**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

- Ôn tập về phép cộng, phép trừ (không nhớ) trong phạm vi 100 gồm các dạng cơ bản về: tính nhẩm, tính viết, thực hiện tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính.

- Vận dụng các phép tính đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế

***-*** Qua hoạt động khám phá hình thành kiến thức về Ôn tập về phép cộng, phép trừ (không nhớ) trong phạm vi 100, HS vận dụng vào giải một số bài toán thực tế liên quan đến Ôn tập về phép cộng, phép trừ (không nhớ) trong phạm vi 100, HS phát triển năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp toán học

- Yêu thích học môn Toán, có hứng thú với các con số

- Phát triển tư duy toán cho học sinh

**II. Đồ dùng dạy học:**

**1. Học sinh:** Bộ đồ dùng toán lớp 2, SGK Toán 2

**2. Giáo viên**: Một số bộ thẻ, mỗi bộ gồm ba số có thể lập được phép tính đúng từ ba số đó, chẳng hạn:[25] ; [10] ; [35]

**III. Các hoạt động dạy học:**

**1. Khởi động**

- Cho HS chơi trò chơi “Gọi thuyền”

- Nêu tên trò chơi, HD cách chơi, luật chơi cho 2 đội. 2 tổ là 1 đội, lớp chia làm 2 đội. - Đánh giá, khen HS

**2. Luyện tập:**

Bài 1: Tính nhẩm. - Đọc yêu cầu

- Hướng dẫn HS: Bài 1 có 2 phần a và b. Con cần thực hiện đúng phép tính tính nhẩm và điền kết quả vào sau dấu bằng

- Làm bài vào vở BT. Tổ 1 nối tiếp lên bảng điền

Nhận xét. - Chốt đáp án đúng. - 1-2 HS đọc thuộc lòng bảng nhân 2

Bài 2: Đặt tính rồi tính.

- Gọi HS đọc YC bài. - Bài yêu cầu làm gì?

- Gọi HS nêu cách đặt tính và cách thực hiện phép tính?

- Thực hiện vào vở - Tổ chức cho HS chia sẻ trước lớp. - Nhận xét, tuyên dương.

Bài 3:a)Nối hai phép tính có cùng kết quả theo mẫu. - Đọc yêu cầu bài.

- HDHS cách làm bài: Tính kết quả từng phép thính rồi nêu hai phép tính cùng kết quả.

- Nhận xét, đánh giá bài HS.

\*Lưu ý: Có thể dựa vào nhận xét 40 + 20 = 20 + 40 mà không cần tính kết quả của phép tính này.

b) Số?- Bài yêu cầu làm gì?

- HDHS: Thực hiện lần lượt từng phép tính từ trái sang phải rồi nêu kết quả.

- Thực hiện tính nhẩm. - Nhận xét, khen ngợi HS.

Bài 5:- Đọc YC bài.

- Bài toán cho biết gì? - Bài yêu cầu làm gì? - Làmbài vào vở

**3,Vận dụng:**  - Nhận xét, tuyên dương.

- Nhận xét giờ học. - Học bài và chuẩn bị bài sau.

 **IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**

………………………………………………………………………………………

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Bài 5:  Ôn tập phép cộng, trừ (không nhớ) trong phạm vi 100  (T3)**

**I. Yêu cầu cần đạt**

- HS thực hiện được phép cộng, phép trừ và so sánh được các số có hai chữ số. Viết đúng cách đặt tính.

- Giải và trình bày được bài giải của bài toán có lời văn.

- Phát triển năng lực tính toán, kĩ năng thực hiện phép cộng trừ và so sánh các số

- Phát triển kĩ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận.

**II. Đồ dùng dạy học**

- GV: Máy tính, tivi chiếu nội dung bài

**III. Các hoạt động dạy học**

**1. Khởi động**: Trò chơi “Qua cầu”

- HS tham gia chơi. - Lắng nghe GV nhận xét.

- Giới thiệu bài.

**2. Luyện tập:** *Bài 3/T20:*- HS đọc YC bài.

- Bài yêu cầu làm gì?

- HS: Tính kết quả của từng phép tính, so sánh các kết quả với 50 rồi trả lời từng câu hỏi. Chia sẻ kết quả.

- Nhận xét, đánh giá bài.

*Bài 5/T21:* - HS đọc YC bài và trả lời câu hỏi:

- Bài toán cho biết gì?- Bài toán hỏi gì?

- HS làm bài vào vở. - Lắng nghe nhận xét, tuyên dương.

*Bài 1/T21:*- HS đọc YC bài.

- HS lắng nghe hướng dẫn:

a) Tính kết quả của từng phép tính, tìm những phép tính có cùng kết quả

b) Tính kết quả của từng phép tính, so sánh các kết quả đó, tìm phép tính có kết quả bé nhất

- Lắng nghe nhận xét, tuyên dương HS.

*Bài 3/T22:*- Gọi HS đọc YC bài.

- Bài yêu cầu làm gì?- HS lắng nghe  HD: Tính lần lượt từ trái sang phải.

- HS làm bài. - Lắng nghe nhận xét, đánh giá bài.

*Bài 4/T22:*- HS đọc YC bài. HS trả lời câu hỏi:

- Bài toán cho biết gì? - Bài toán hỏi gì?

- HS làm vào vở. - Lắng nghe  nhận xé**t.**

**3. Vận dụng:** - Lắng nghe  nhận xét giờ học, dặn dò.

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy**:

……………………………………………………………………………………